

Số: 06/TC-STP

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 12 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Tuyên Quang ban hành trong tháng 11 năm 2025**

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “*Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân*”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 11 năm 2025, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 11 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành **14** văn bản quy phạm pháp luật (gồm: 04 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 07 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 03 Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), cụ thể:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 Quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(4) Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 Quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 Về số lượng và phương thức quản lý xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 Quy định xét tặng danh hiệu “Công dân tiêu biểu tỉnh Tuyên Quang”.

(3) Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(4) Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(5) Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

(6) Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 Ban hành Quy trình sản xuất một số loài cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(7) Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Quyết định số 03/2025/QĐ-CTUBND ngày 11/11/2025 Đơn vị mua sắm tập trung và thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung đối với tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 04/2025/QĐ-CTUBND ngày 28/11/2025 Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND ngày 28/11/2025 Ban hành quy chế cập nhật, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND)

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang (trước sắp xếp) Quy định mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (trước sắp xếp) Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 15 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 17 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND đề quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 337/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội¹; tạo cơ sở pháp lý để lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh.

1.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Nội dung và mức chi, gồm: Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát; chi tổ chức hội nghị, hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo; chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập; chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội ngoài chế độ thanh toán công tác phí; chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội, văn bản kiến nghị; các khoản chi khác.

(4) **Điều 4:** Tổ chức thực hiện.

2. Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND)

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ danh mục nghị quyết tại số thứ tự 25 Phụ lục III, số thứ tự 26 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm

¹ Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 337/2016/TT-BTC quy định: “Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 5 Thông tư này”.

pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT - BTC²; tạo cơ sở pháp lý để lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

2.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND gồm 10 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo.

(4) Điều 4: Nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động thông tin tuyên truyền.

(5) Điều 5: Nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động xây dựng và nhân rộng mô hình.

(6) Điều 6: Nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

(7) Điều 7: Nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động hợp tác quốc tế về khuyến nông.

(8) Điều 8: Nội dung chi khác.

(9) Điều 9: Tổ chức thực hiện.

(10) Điều 10: Điều khoản thi hành.

3. Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND).

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Nghị quyết số 02/2021/NQ- HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định phụ cấp hằng tháng đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân

² Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT -BTC quy định: “Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương”.

dân tỉnh Hà Giang quy định mức trợ cấp ngày công lao động cho dân quân trên địa bàn tỉnh Hà Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành.

- Bãi bỏ số thứ tự 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ số thứ tự 26 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 27 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2025/NĐ-CP³; kịp thời điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP.

3.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ.

(3) Điều 3: Tổ chức thực hiện.

³ Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2025/NĐ-CP và Nghị định số 220/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 8. Chế độ phụ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần của thôn đội trưởng

2. Đối với Thôn đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nhưng không thấp hơn 1.170.000 đồng.

Điều 11. Định mức bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn, phụ cấp đặc thù đi biển đối với dân quân khi làm nhiệm vụ, trừ dân quân thường trực

1. Đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế:

a) Mức trợ cấp ngày công lao động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, nhưng không thấp hơn 327.600 đồng; trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng;

Trường hợp dân quân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định của Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp huyện trở lên, mức trợ cấp ngày công lao động tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng”.

4. Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND).

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 12/11/2025.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bãi bỏ điểm 3.6 khoản 1 điều 3 và sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 51, 52 Phụ lục III; số thứ tự 47 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo⁴; nhằm quy định thống nhất về các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi trong toàn tỉnh, phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND).

⁴ Điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 4. Quản lý nhà nước về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

...3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

...b) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương.

(4) Điều 4: Cơ chế quản lý thu, chi.

(5) Điều 5: Tổ chức thực hiện.

5. Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về số lượng và phương thức quản lý xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND).

5.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2025.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 5 Điều 8; điểm đ khoản 2 Điều 14a Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP⁵; kịp thời điều chỉnh quy định về số lượng và phương thức quản lý xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

5.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Số lượng và phương thức quản lý xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị:

- Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 98/2025/QĐ-UBND.

- Phương thức quản lý xe ô tô: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14a Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

⁵ Tại khoản 5 Điều 8, điểm đ khoản 2 Điều 14a Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP) quy định:

“Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung
...5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 11 và 11a Nghị định này, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 14a. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

2. Thẩm quyền quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

...đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”.

(3) Điều 3: Tổ chức thực hiện.

6. Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định xét tặng danh hiệu "Công dân tiêu biểu tỉnh Tuyên Quang" (viết tắt là Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND).

6.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/11/2025 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

- Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu “Công dân tiêu biểu tỉnh Tuyên Quang”.

- Bãi bỏ số thứ tự 38 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND để quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; nhằm động viên đối với cá nhân tiêu biểu có thành tích trong lao động, sản xuất, công tác theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15⁶; đồng thời, tuyên truyền, nêu gương, tạo sự lan tỏa, truyền cảm hứng để Nhân dân học tập, làm theo.

6.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, thời gian, số lượng cá nhân được tặng danh hiệu; thẩm quyền tặng danh hiệu; quyền và nghĩa vụ của cá nhân được tặng danh hiệu; việc hủy bỏ, tước danh hiệu, thu hồi hiện vật và tiền thưởng; nguồn kinh phí xét tặng danh hiệu; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xét tặng danh hiệu “Công dân tiêu biểu tỉnh Tuyên Quang”, gồm 10 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Nguyên tắc xét tặng danh hiệu.

(3) Điều 3: Tiêu chuẩn xét tặng.

(4) Điều 4: Thời gian xét tặng và số lượng cá nhân được tặng danh hiệu.

(5) Điều 5: Thẩm quyền tặng danh hiệu.

(6) Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của cá nhân được tặng danh hiệu.

(7) Điều 7: Hủy bỏ, tước danh hiệu; thu hồi hiện vật và tiền thưởng.

(8) Điều 8: Nguồn kinh phí.

(9) Điều 9: Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

⁶ Khoản 1 Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 quy định:

“Điều 81. Thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các hình thức khen thưởng khác

1. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định”.

(10) Điều 10: Điều khoản thi hành.

7. Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND)

7.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/11/2025 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

- Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành quy chế phối hợp xử lý các vụ việc liên quan đến người nước ngoài xảy ra trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ số thứ tự 118 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 64/2015/NĐ-CP ngày 06/8/2015 của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam⁷; nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm phối hợp của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh trong quản lý cư trú, hoạt động của người nước ngoài và giải quyết các vụ việc liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo Quy chế phối hợp trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND gồm 04 Chương, 18 Điều, cụ thể như sau:

(1) Chương I – Quy định chung, gồm 04 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc phối hợp và hình thức phối hợp.

(2) Chương II - Phối hợp trong quản lý người nước ngoài, gồm 06 Điều quy định về quản lý lao động là người nước ngoài làm việc; quản lý đoàn khách nước ngoài, khách quốc tế thăm, làm việc tại tỉnh; quản lý lưu học sinh học tập; quản lý người nước ngoài thăm thân, giải quyết việc riêng; phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài; trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có người nước ngoài cư trú, hoạt động.

⁷ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 64/2015/NĐ-CP quy định:

“Điều 6. *Phối hợp trong tổ chức thực hiện pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành thuộc địa phương trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động tại địa phương.”

(3) Chương III – Phối hợp giải quyết các vụ việc liên quan đến người nước ngoài, gồm 06 Điều quy định về phối hợp giải quyết khi người nước ngoài vi phạm pháp luật hình sự; phối hợp giải quyết khi có tai nạn giao thông liên quan đến người và phương tiện giao thông của nước ngoài; phối hợp giải quyết khi có người nước ngoài tử vong; phối hợp trong bảo quản và xử lý thi hài người nước ngoài; phối hợp trong giải quyết tiếp xúc lãnh sự đối với người nước ngoài đang bị tạm giam, tạm giữ; phối hợp trong giải quyết các tình huống khác liên quan đến người nước ngoài (*người nước ngoài mất hộ chiếu, tài sản, lang thang, mất năng lực hành vi dân sự hoặc các trường hợp cần hỗ trợ khác*).

(4) Chương IV – Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều quy định về trách nhiệm thi hành và chế độ thông tin báo cáo.

8. Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND)

8.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2025.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND để thực hiện đúng trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; khoản 4 Điều 61, Điều 65, khoản 2 Điều 68 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15; điểm a khoản 2 Điều 5, khoản 7, khoản 9 Điều 36, Điều 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 24 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP, Nghị định số 181/2024/NĐ-CP. Nhằm thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, kịp thời, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

8.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND quy định về phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2. Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Điều 3. Điều khoản thi hành.

9. Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND)

9.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/11/2025.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP⁸; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất và phù hợp với tình hình thực tiễn trong việc xác định tiêu chuẩn, định mức và giá mua xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

9.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND.

(3) Điều 3. Điều khoản thi hành.

10. Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy trình sản xuất một số loài cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND)

10.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày 07/12/2025.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 6 Điều 103 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số

⁸ Điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 17. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

...2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định này:

...b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này”.

93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15⁹; làm căn cứ để ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

10.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo Quy trình sản xuất một số loài cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND quy định quy trình sản xuất đối với 176 loài cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

- Quy trình sản xuất cây ăn quả: 33 quy trình.
- Quy trình sản xuất hoa cây cảnh: 10 quy trình.
- Quy trình sản xuất cây công nghiệp: 07 quy trình.
- Quy trình sản xuất cây thức ăn chăn nuôi: 04 quy trình.
- Quy trình sản xuất cây dược liệu: 47 quy trình.
- Quy trình sản xuất cây lâm nghiệp: 30 quy trình.
- Quy trình sản xuất ươm giống: 04 quy trình.
- Quy trình sản xuất chăn nuôi: 16 quy trình
- Quy trình sản xuất thủy sản: 25 quy trình.

11. Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND)

11.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2025. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Giang; bãi bỏ số thứ tự 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4 Điều 21 Luật Giá số 16/2023/QH15¹⁰ và khoản 3 Điều 14, điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính

⁹ Khoản 6 Điều 103 của Luật Đất đai quy định: “ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất”.

¹⁰ Khoản 4 Điều 21 Luật Giá số 16/2023/QH15 quy định:

“Điều 21. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Luật này. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền.”

phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá¹¹; tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện các quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

11.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2.** Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

(3) **Điều 3.** Điều khoản thi hành.

12. Quyết định số 03/2025/QĐ-CTUBND ngày 11/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đơn vị mua sắm tập trung và thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung đối với tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 03/2025/QĐ-CTUBND)

12.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 03/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/11/2025.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 03/2025/QĐ-CTUBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3 Điều 77 và khoản 1 Điều 78 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công¹²; nhằm kịp thời triển khai thi hành Nghị định số 186/2025/NĐ-

¹¹ Khoản 3 Điều 14, điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá quy định:

“Điều 14. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo phân công tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá tại địa phương (nếu có).

Điều 28. Tổ chức thực hiện

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá và Nghị định này, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn;”

¹² Khoản 3 Điều 77 và khoản 1 Điều 78 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 77. Đơn vị mua sắm tập trung

...3. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền đơn vị mua sắm tập trung để thực hiện mua sắm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại, giao bổ sung nhiệm vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hiện có (không thành lập mới, không bổ sung biên chế của bộ, cơ quan trung ương, địa phương).

Điều 78. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung (trừ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế)

1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung, gửi cơ quan quản lý cấp trên (sau đây gọi là đầu mối đăng ký mua sắm tập trung) để tổng hợp gửi đơn vị mua sắm tập trung của bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh theo thời hạn do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố để áp dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về việc đăng ký nhu cầu mua sắm tài sản của mình.

CP và tạo cơ sở pháp lý thực hiện việc mua sắm tập trung đối với tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia.

13.2. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 03/2025/QĐ-CTUBND gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2. Đơn vị mua sắm tập trung

Sở Tài chính là đơn vị thực hiện mua sắm tập trung đối với tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia (trừ thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia).

(3) Điều 3. Thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung

Các cơ quan, đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia (trừ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung đến Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 3 hằng năm.

(4) Điều 4. Điều khoản thi hành.

13. Quyết định số 04/2025/QĐ-CTUBND ngày 28/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 04/2025/QĐ-CTUBND)

13.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 04/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2025.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 04/2025/QĐ-CTUBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2021/TT-BNV¹³; nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thực hiện thống nhất việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

Nội dung chủ yếu của văn bản đăng ký mua sắm tập trung gồm:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sau khi hoàn thành việc mua sắm.

b) Loại tài sản, số lượng tài sản mua sắm tập trung.

c) Dự toán, nguồn vốn thực hiện mua sắm tập trung và phương thức thanh toán.

d) Dự kiến thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản sau khi hoàn thành mua sắm và các đề xuất khác (nếu có)".

¹³ Điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 08/2013/TT-BNV quy định:

"1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trách nhiệm trao đổi với cấp ủy và Ban Chấp hành công đoàn cùng cấp thực hiện:

a) Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình, trong đó phải quy định rõ tiêu chuẩn, cấp độ về lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, thời gian được nâng bậc lương trước thời hạn tương ứng với từng cấp độ thành tích khác nhau của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và thứ tự ưu tiên xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với những người có thành tích xuất sắc như nhau để làm căn cứ xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Bản Quy chế này phải được công khai trong cơ quan, đơn vị và gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để quản lý và kiểm tra trong quá trình thực hiện".

13.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 04/2025/QĐ-CTUBND ban hành kèm theo Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-CTUBND gồm 03 Chương, 10 Điều, cụ thể như sau:

(1) Chương I – Quy định chung, gồm 02 Điều, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc thực hiện.

(2) Chương II – Quy định cụ thể, gồm 06 Điều, quy định về tiêu chuẩn, cấp độ về thành tích tương ứng với thời gian nâng bậc lương trước thời hạn; thời điểm tính nâng bậc lương mới và thời gian tính nâng bậc lương lần sau; thứ tự ưu tiên trong xét nâng bậc lương trước thời hạn; trình tự xét nâng bậc lương trước thời hạn ở các cơ quan, đơn vị; hồ sơ đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn.

(3) Chương III – Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều, quy định về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Sở Nội vụ.

14. Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND ngày 28/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND)

14.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2025.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV Ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước¹⁴; tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức, triển khai việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu công chức, viên chức và người lao động, bảo đảm cập nhật kịp thời, chính xác phục vụ hiệu quả cho việc khai thác cơ sở dữ liệu của tỉnh và đồng bộ vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý.

14.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND ban hành kèm theo Quy chế cập nhật, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang.

¹⁴ Khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 16 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV quy định:

“Điều 7. Phê duyệt dữ liệu

2. Đối với Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng quy chế phê duyệt dữ liệu bảo đảm phù hợp với quy định tại Quy chế này và việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương

3. Quy định chi tiết nội dung quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương theo phân cấp thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.”

Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND gồm 03 Chương, 16 Điều, cụ thể như sau:

(1) Chương I – Quy định chung, gồm 03 Điều, quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguyên tắc thực hiện.

(2) Chương II – Quản lý, sử dụng, phê duyệt dữ liệu, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu của tỉnh, gồm 06 Điều, quy định về địa chỉ truy cập, nội dung quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu; quản lý tài khoản đăng nhập; tạo lập, cập nhật dữ liệu; phê duyệt dữ liệu; khai thác cơ sở dữ liệu của tỉnh; điều chuyển và tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống cơ sở dữ liệu.

(3) Chương III – Tổ chức thực hiện, gồm 07 Điều, quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện công tác quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của Sở Tài chính; trách nhiệm của Sở Nội vụ; điều khoản thi hành.

(Nội dung chi tiết của văn bản được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật, địa chỉ: <https://vbpl.vn/tuyenquang/Pages/home.aspx>).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 11 năm 2025, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Phòng PBGDPL;
- Lưu: VT, XDKTVB&THPL.(TTLan).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Lâm